

Bản án số: 05/2025/HSST

Ngày: 17-02-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thy Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Đức.

Bà Vũ Thị Lệ Thuỷ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Lan- Là thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Tuấn Thanh Tứ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 139/2024/TLST- HS ngày 28 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2025/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/HSST- QĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức L; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1991 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Số 29 đường A, tổ 95 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N (Chết) và bà Ngô Thị T (Chết); Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số: 62/2007/HSST ngày 24.8.2007 bị TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Phá hủy công trình phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/6/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Nguyễn Thị Phương L; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1995 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú : K 54 H07/08 đường N, Tổ 04 phường A (phường An Hải T cũ), quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Công L (Chết) và bà Hồ Thị T; Bị cáo có chồng tên Trần Văn H, sinh năm: 1995 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2012 và con nhỏ nhất sinh năm 2021;

Tiền án: Tại Bản án số: 113/2020/HSST ngày 09.11.2020 bị TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng được hoãn chấp hành hình phạt tù vì lý do đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/6/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Đoàn Duy P; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1991 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 47 phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Duy T và bà Phan Thị L (Chết); Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Không

Tiền sự:

- Ngày 15/7/2021 , bị Toà án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 24/QĐ-TA, thời gian 18 tháng (chấp hành xong ngày 21/9/2022).

- Ngày 04/11/2022, bị Toà án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 30/QĐ-TA, thời gian 21 tháng (chấp hành xong ngày 14/6/2024).

Nhân thân:

- Ngày 15/4/2015, bị Toà án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 07/QĐ-TA, thời gian 15 tháng (chấp hành xong ngày 16/5/2016).

- Ngày 03/3/2017, bị Toà án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 07/2017/QĐ-TA, thời gian 15 tháng (chấp hành xong ngày 15/01/2018).

- Ngày 25/01/2019, bị Toà án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 08/2019/QĐ-TA, thời gian 18 tháng (chấp hành xong ngày 29/4/2020).

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/6/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4. Huỳnh Văn N; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1993 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Số 06 đường N, Tổ 79, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn M (Chết) và bà Võ Thị H; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án; tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/6/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

5. Trần Thân T; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1998 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: K122/25 đường N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án; tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/6/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

-Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Đức L, sinh năm: 1989.

Nơi cư trú: K868/6 đường N,Tổ 30, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.Vắng mặt.

2.Ông Bùi Đại P, sinh năm: 1990. Nơi thường trú: Đội 8 xã N, huyện T, thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện tại: Số 183 đường P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Bà Lê Thị T, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: K122/26 đường N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

4. Ông Trần Sư K, sinh năm: 1993. Nơi cư trú: Tổ 03 thôn V, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xét xử vắng mặt.

5. Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H. Địa chỉ trụ sở: Tầng 8,9,10 Toà nhà Gilimex, số 24C đường P, phường 6, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N, chức danh: Tổng giám đốc. Đại diện theo uỷ quyền: Bà Huỳnh Thị Bích L, chức danh: Giám sát thu hồi nợ thuộc Phòng thu hồi nợ của Công ty theo Giấy uỷ quyền số 210801-LCO ngày 01/8/2021 của Tổng giám đốc và Giấy uỷ quyền số 250212- CCO ngày 12/02/2025 của Trưởng phòng thu hồi nợ gián tiếp của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H. Có đơn xét xử vắng mặt.

6. Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H. Địa chỉ trụ sở: Tầng G, 8 và 10 Toà nhà P, số 20 đường N, phường T, thành phố T, Thành phố

Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc K, chức danh: Tổng Giám đốc. Có đơn xét xử vắng mặt.

7. Bà Huỳnh Thị Kim T, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Tổ 79 phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xét xử vắng mặt.

8. Ông Trần Xuân Q, sinh năm: 1979. Nơi cư trú: Tổ 27 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

* Người chứng kiến:

1. Ông Đinh Trần Phi H, sinh năm: 1969. Nơi cư trú: Tổ 17 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1966. Nơi cư trú: Tổ 31 phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 18/6/2024, Phòng CSĐTTP về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng đã phát hiện, bắt quả tang 02 vụ việc liên quan đến tội phạm về ma túy trên địa bàn quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Cụ thể như sau:

* **Vụ thứ nhất:** Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 18/6/2024, tại khu vực ngã ba đường Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Văn Thoại, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Phòng CSĐTTP về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện Đoàn Duy P điều khiển xe mô tô không gắn BKS có biểu hiện nghi vấn phạm tội ma túy nên tiến hành dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện trong túi quần phía trước bên phải P đang mặc có 01 gói ni long bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng. P khai nhận đây là ma túy đá P vừa mua được của một người tên L với số tiền 800.000 đồng để sử dụng cho nhu cầu bản thân nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện. Lực lượng chức năng đã tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang và tạm giữ P cùng tang vật.

Tang vật thu giữ:

- 01 gói nilong trong suốt kích thước khoảng (2,5x2,5)cm, chứa tinh thể rắn màu trắng, được niêm phong, **ký hiệu: A.**

- 01 điện thoại di động có chữ SamSung, màu trắng, imel: 353029495514152, gắn sim: 0704812525.

- Tiền mặt: 3.300.000đ (ba triệu ba trăm ngàn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- 01 căn cước công dân mang tên Đoàn Duy P.

- 01 xe mô tô không gắn BKS; số khung: RLHKC4434RY003896, số máy: KC46E5018238, trên xe có chữ WINNERX, màu đen.

- 01 nỏ thủy tinh, một đầu uốn cong dùng để sử dụng ma túy.

* **Vụ thứ hai:** Vào khoảng 20 giờ ngày 18/6/2024, tại trước số nhà 61 Hoàng Quốc Việt, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Phòng

CSDTTP về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện Huỳnh Văn N và Trần Thân T điều khiển xe mô tô hiệu Airblade màu đen đỏ mang BKS 43F1-328.63 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện trong túi quần lưng phía trước bên trái của N đang mặc có 01 gói nilong màu trắng bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng. N và T khai nhận đó là ma túy đá và cả hai mới mua của hai đối tượng tên L và L1, nhà ở 29 An Cư 4, thành phố Đà Nẵng với số tiền 500.000 đồng để cùng sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện. Lực lượng chức năng đã tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang, tạm giữ N và T cùng tang vật.

Tang vật thu giữ:

- 01 gói nilong màu trắng, kích thước (2,5x2,5)cm bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng, được niêm phong, **ký hiệu: B.**

- Tiền mặt 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thu của N).

- 01 xe mô tô Air Blade màu đen, đồ gắn BKS: 43F1-328.63, số khung: JF63E1185386, số máy: RLHJF6305FZ649105 (thu của T);

- 01 điện thoại di động Iphone màu đen, gắn sim: 0934962807, số Imel: 354892096821428 (thu của N).

- 01 điện thoại di động có chữ OPPO, gắn sim: 0906471107, số Imel: 866376049624072 (thu của T).

* Căn cứ vào lời khai của P, N và T và những chứng cứ thu thập được, Cơ quan CSDT Công an thành phố Đà Nẵng đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Đức L và Nguyễn Thị Phương L, thu giữ của L 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc, số Imei: 359216079636311 gắn sim: 0896710652 và thu giữ của L1 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng số Imei: 353892105843166 gắn sim: 0905966892, 01 xe mô tô hiệu Vision màu đen đỏ mang BKS 43C1-828.11, số khung: RLHJF3309CY067556, số máy: JF33E0067659.

* Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Đức L tại nhà số 29 An Cư 4, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng vào lúc 23 giờ 40 phút ngày 18/6/2024. Qua khám xét thu giữ của L:

- 01 tờ tiền 10.000đồng (mười ngàn đồng) được cuộn tròn và cố định bằng băng keo đen; 01 tờ tiền 10.000đồng (mười ngàn đồng) được cuộn tròn và cố định bằng băng keo trắng; 01 gói nilong trắng kích thước (2,5x2,5)cm chưa qua sử dụng (dụng cụ để phân chia ma túy đá).

- 01 chai nhựa bên trên nắp chai có đục hai lỗ để gắn ống hút nhựa và tàu thủy tinh theo Lợi trình bày đây là bộ dụng cụ sử dụng ma túy của Lợi, **ký hiệu: K.**

- 04 ống thủy tinh, 01 bát lửa L khai để làm dụng cụ sử dụng ma túy.

Theo lời khai của L, số tang vật này dùng để sử dụng trái phép chất ma túy.

Qua điều tra xác định:

Để có ma túy sử dụng, từ khoảng tháng 3/2024 Nguyễn Đức L bắt đầu thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Nguyễn Thị Phương L là bạn gái của L, trong quá trình quen nhau L1 biết L mua bán trái phép chất ma túy nên đã chủ động giới thiệu người mua ma túy cho L. Phương thức bán ma túy của L và L1 như sau: khi có người liên hệ với L mua ma túy (hoặc người mua liên hệ với L1 thì L1 sẽ báo lại cho L), L sẽ dùng số điện thoại 0896710652 gọi cho Q (không rõ nhân thân, lai lịch) có số điện thoại 0906408776, 0905848020 (qua điều tra, chủ thuê bao của hai số điện thoại này là Trần Xuân Q, sinh năm: 1979; trú tại: tổ 27, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng) để mua số lượng ma túy theo yêu cầu của người mua, sau đó L mang ma túy về nhà, trích bớt một phần ma túy ra (L và L1 không thoả thuận việc phân chia hưởng lợi từ việc bán ma túy, tuy nhiên Lợi lấy số ma túy được trích ra từ mỗi lần bán ma túy cho L1 sử dụng tại nhà của L), phần còn lại sẽ giao cho người mua. L đã nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy (L không nhớ rõ đã bán cho ai, bán thời gian nào, chỉ nhớ 02 lần gần nhất vào ngày 18/6/2024, riêng L1 tham gia giúp L bán ma túy 02 lần vào ngày 18/6/2024). Ngoài ra, L còn tổ chức cho những người khác sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của L, cụ thể như sau:

- Vào khoảng 14 giờ ngày 18/6/2024, Lê Đức L mua bia đến nhà L để nhậu. Khi nhậu gần xong thì L2 hỏi L có ma túy đá không cho L2 hút vài hơi thì L nói L2 xuống khu vực nhà bếp lấy bộ dụng cụ ma túy đá tự sử dụng (ma túy đá này L mua của Q 300.000 đồng vào ngày 17/6/2024, đã sử dụng một ít, số ma túy còn lại bỏ sẵn trong bộ dụng cụ, L cho L2 sử dụng ma túy không lấy tiền). L2 đến tự đốt ma túy sử dụng, sử dụng ma túy xong L2 lên tiếp tục ngồi chơi, nói chuyện với L.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, thông qua bạn bè xã hội giới thiệu, Đoàn Duy P sử dụng số điện thoại 0704812526 gọi điện cho Nguyễn Thị Phương L có số điện thoại 0905966892 để hỏi mua ma túy đá với số lượng 0,5 gam, L1 đồng ý bán và gọi điện cho L, L báo số tiền là 800.000đồng, L1 báo lại cho P và nói đi đến 29 An Cư 4 để giao dịch mua bán trái phép chất ma túy. Một lúc sau, do P không biết đường đi nên L1 nói P đi đến trước 120 Hồ Nghinh, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đứng đợi. Khoảng 16 giờ cùng ngày, L1 qua nhà L, L mượn xe Dream (không rõ BKS, xe này L2 mượn của người bạn ngoài xã hội không rõ lai lịch, sau khi sử dụng xong L2 đã trả lại xe cho chủ sở hữu) của L2 chở L1 ra đón P. Khi đến nhà, P đưa cho L 800.000đồng tiền mua ma túy và xin thêm 01 bộ nỏ thủy tinh để sử dụng ma túy thì L đồng ý. L gọi điện cho Q để hỏi mua 800.000đồng ma túy đá, Q hẹn đến khu vực miếu Lăng Ông, đường Trần Hưng Đạo, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng để giao dịch mua bán trái phép chất ma túy. L mượn xe của L2 đi một mình đến điểm hẹn đưa 800.000đồng cho Q và Q đưa gói ma túy cho L. Mua xong, L mang gói ma túy về nhà, đem lên lầu trích

ra một ít để dành sử dụng, phần còn lại L bỏ trong gói ni lông đưa cho P cùng bộ nổ thủy tinh (quá trình trao đổi mua bán trái phép chất ma túy giữa L, L1 và P thì L2 không biết; L2 chỉ biết L nói mượn xe đi có việc). Sau khi mua được ma túy, P bỏ gói ni lông chứa ma túy trong túi quần phía trước bên phải P đang mặc, cầm bộ nổ thủy tinh rồi điều khiển xe mô tô không gắn BKS đi đến ngã ba đường Nguyễn Văn Thoại giao Võ Nguyễn Giáp, thành phố Đà Nẵng thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Về phần L và L1, sau khi bán trái phép chất ma túy cho P, L rủ L1 sử dụng ma túy đá thì L1 đồng ý. Cả hai đi xuống khu vực bếp, L lấy ra bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (bộ dụng cụ này trước đó L đã cho L2 sử dụng) và bật lửa đốt ma túy đá lên sử dụng trước. Sau đó, L tiếp tục đốt ma túy đá cho L1 sử dụng (L2 thấy L và L1 sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không tham gia do đã sử dụng trước đó).

- Vào khoảng 18 giờ ngày 18/6/2024, Huỳnh Văn N đi qua nhà Trần Thân T chơi, tại đây cả hai thống nhất sẽ mua 500.000đồng ma túy đá về sử dụng, mỗi người góp 250.000đồng, N bỏ tiền ra trả trước, khi nào có tiền T trả cho N sau. T nhắn tin với một người tên “Xi” (không rõ nhân thân lai lịch, có số điện thoại 0702397591, 0905444342) để mua ma túy nhưng không được. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, N gọi điện cho L1 qua ứng dụng Messenger để hỏi mua ma túy đá (N biết L1 bán ma túy do bạn bè ngoài xã hội giới thiệu), L1 đồng ý và hẹn đến 29 An Cư 4, quận Sơn Trà để giao dịch mua bán trái phép chất ma túy. N nói T điều khiển xe mô tô hiệu Airblade màu đen đỏ mang BKS 43F1-328.63 chở N đến điểm hẹn. Đến nơi, T đứng bên ngoài, N đi vào trong gặp L1 và L. L nói N chuyển tiền qua tài khoản ví Momo mang tên “Nguyễn Thị Phương L” nhưng đăng ký bằng số điện thoại của L là 0896710652 (đây là tài khoản L đang dùng). Sau khi N chuyển tiền mua ma túy xong, L gọi điện cho Q hỏi mua 500.000đồng ma túy đá, Q đồng ý rồi yêu cầu L chuyển tiền mua ma túy qua tài khoản ví Momo có số điện thoại 0905848020 của Q và hẹn đến miếu Lăng Ông để giao dịch mua bán trái phép chất ma túy. Trong khi L liên hệ mua ma túy thì Bùi Đại P đến nhà tìm L để lấy tiền nợ. Lúc này, L rủ L2 đi cùng (L2 không biết L đi mua ma túy), P vào trong nhà đợi L về. L điều khiển xe Dream chở L2 đến điểm hẹn, L đi bộ vào trong kiệt để gặp Q lấy ma túy, L2 ngồi trên xe đợi ở bên ngoài. Sau khi mua ma túy xong, L chở L2 về nhà của L rồi mang gói ma túy lên lầu để trích ra một ít để dành sử dụng, phần còn lại giao cho N (việc trao đổi mua bán trái phép chất ma túy L2 và P không biết). N bỏ gói ma túy trong túi quần lưng phía trước bên trái của N đang mặc rồi nói T chở N đi về. Khi N và T đi đến trước số 61 Hoàng Quốc Việt, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Trong lúc L, L1, P và L2 đang ở nhà của L thì Phòng CSĐTTP về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng đến nhà của L, triệu tập các đối tượng về Cơ quan

CSDT Công an thành phố Đà Nẵng làm việc và tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lợi.

* Tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với Nguyễn Đức L, Trần Thân T, Huỳnh Văn N, Nguyễn Thị Phương L, Bùi Đại P, Đoàn Duy P vào ngày 18/6/2024 và Lê Đức L vào ngày 19/6/2024 cho kết quả: L, T, N, L1, P, L2 dương tính với ma túy, riêng P âm tính với ma túy.

* Phòng CSDTTP về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng đã tiến hành thu giữ và niêm phong 04 mẫu nước tiểu của Nguyễn Đức L, Nguyễn Thị Phương L, Bùi Đại P, Lê Đức L, cả bốn đối tượng trên đều thừa nhận đã sử dụng ma túy đá, riêng P sử dụng thêm ma túy cần sa (L2 và P là các đối tượng đã được L cho sử dụng trái phép ma túy đá tại nhà L); ký hiệu niêm phong như sau:

- Mẫu nước tiểu của Nguyễn Đức L, ký hiệu: số 1.
- Mẫu nước tiểu của Nguyễn Thị Phương L, ký hiệu: số 2.
- Mẫu nước tiểu của Bùi Đại P, ký hiệu: số 3.
- Mẫu nước tiểu của Lê Đức L, ký hiệu: số 4.

Tại Kết luận giám định số 490/KL-KTHS ngày 27/6/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng ký hiệu A gửi đi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu A: 0,33 gam.
- Mẫu tinh thể rắn màu trắng ký hiệu B gửi đi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu B: 0,23 gam.

Tại Kết luận giám định số 588/KL-KTHS ngày 24/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Chất màu trắng đục bám dính trong phần bầu tròn của bầu thủy tinh trong bì niêm phong ký hiệu K gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng mẫu K.
- Trong mẫu nước tiểu ghi thu của Nguyễn Đức L, Nguyễn Thị Phương L, Bùi Đại P, Lê Đức L ký hiệu lần lượt 1, 2, 3, 4 gửi giám định đều tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine.

Qua điều tra, P khai nhận vào tối ngày 15/6/2024, P đến nhà L hỏi có ma túy không thì L chỉ xuống khu vực bếp, P đi xuống thấy có sẵn ma túy đá và dụng cụ sử dụng ma túy nên tự lấy sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, do thiếu tiền nên L xin P 100.000 đồng để tiêu xài cá nhân thì P đồng ý, P đưa L 100.000 đồng rồi đi về. Trước đó, L có cho P sử dụng ma túy tại nhà của L 01 lần (cả L và P đều không nhớ thời gian cụ thể, L cho P sử dụng ma túy không lấy tiền). Ngoài ra theo lời khai của P, vào ngày 18/6/2024, P còn sử dụng tinh dầu có chứa ma túy cần sa bỏ vào thuốc lá điện tử để sử dụng hết một mình tại nhà của P. Tinh dầu này P mua của một đối tượng trên mạng xã hội (không rõ lai lịch).

Nguyễn Đức L, Nguyễn Thị Phương L, Đoàn Duy P, Huỳnh Văn N, Trần Thân T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các bị can đều nhận dạng được nhau thông qua bản ảnh.

Tại bản cáo trạng số: 137/CT- VKS- ST ngày 26/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Thị Phương L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Đoàn Duy P, Huỳnh Văn N, Trần Thân T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Qua xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa:

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu giữ nguyên cáo trạng đã truy tố các bị cáo và căn cứ vào tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo Nguyễn Thị Phương L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Đoàn Duy P, Huỳnh Văn N, Trần Thân T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của BLHS xử phạt Nguyễn Đức L từ 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) năm tù.

- Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của BLHS xử phạt Nguyễn Đức L từ 07 (Bảy) năm đến 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù.

Căn cứ Điều 55 của BLHS tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Đức L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 18/6/2024.

- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58, điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị Phương L từ 07 (Bảy) năm đến 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại bản án số 113/2020/HSST ngày 09.11.2020 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo Nguyễn Thị Phương L phải chấp hành cho cả hai bản án. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam ngày 18/6/2024.

- Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của BLHS xử phạt Đoàn Duy P từ 18 (Mười tám) tháng đến 21 (Hai mươi một) tháng tù.

- Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của BLHS xử phạt Huỳnh Văn N từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù.

- Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của BLHS xử phạt Trần Thân T từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu huỷ: 03 bì niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng dán kín, ký hiệu A, B và K; 01 nó thủy tinh, một đầu uốn cong dùng để sử dụng ma túy (thu của P dùng để sử dụng ma túy); 01 gói nilong trắng kích thước (2,5×2,5)cm chưa qua sử dụng (dụng cụ để phân chia ma túy đá); 04 ống thủy tinh, 01 bật lửa là các dụng cụ để sử dụng ma túy thu của L; các sim số: 0896710652, 0905966892, 0934962807, 0704812525 (của L, L1, N, P dùng để liên hệ mua ma túy).

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 02 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000đồng (được quán làm ống hút để sử dụng ma túy); 01 điện thoại di động Iphone màu đen, số Imel: 354892096821428 (của N dùng để liên hệ mua ma túy); 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc, số Imei: 359216049624072 (của L dùng để liên hệ bán ma túy); 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353892105843166 (của L1 dùng để liên hệ bán ma túy).

- Đối với 01 điện thoại di động có chữ SamSung, màu trắng, imel: 353029495514152 và 01 xe mô tô (chưa đăng ký biển kiểm soát), số khung: RLHKC4434RY003896, số máy: KC46E5018238, trên xe có chữ WINNERX, màu đen (của P dùng để liên hệ và đi mua ma túy). Hiện các tài sản này đang là tài sản thế chấp tại Công ty TNHH HD SAISON và Công ty tài chính Home Credit. Theo hướng dẫn tại Văn bản số 2160/VKSTC-V14 về việc giải đáp một số khó khăn, vướng mắc của Vụ 14 Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, đề nghị HĐXX tuyên tịch thu sung công quỹ đối với số tài sản này. Quyền lợi của Công ty TNHH HD SAISON và Công ty tài chính Home Credit được giải quyết theo quy định về khởi kiện vụ án dân sự.

- Trả cho Đoàn Duy P: 01 căn cước công dân mang tên Đoàn Duy P, 3.300.000đồng (ba triệu ba trăm ngàn đồng) do không liên quan đến hành vi phạm tội, tuy nhiên cần tiếp tục quy trừ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

- Trả cho Huỳnh Văn N: 50.000đồng (năm mươi ngàn đồng) do không liên quan đến hành vi phạm tội).

- Trả cho Trần Thân T: 01 điện thoại di động có chữ OPPO, gắn sim: 0906471107, số Imel: 866376049624072 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả cho Nguyễn Thị Phương L: 01 xe mô tô hiệu Vision màu đen đỏ mang BKS 43C1-828.11, số khung: RLHJF3309CY067556, số máy: JF33E0067659 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả cho bà Lê Thị T: 01 xe mô tô Air Blade màu đen, đỏ gắn BKS: 43F1-328.63, số khung: JF63E1185386, số máy: RLHJF6305FZ649105 (xe này bị cáo T mượn của bà T).

Bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Thị Phương L, Đoàn Duy P, Huỳnh Văn N, Trần Thân T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Thị Phương L, Đoàn Duy P, Huỳnh Văn N, Trần Thân T đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Sơn Trà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận: Để có ma túy sử dụng cho bản thân, vào ngày 18.6.2024, tại nhà số 29 An Cư 4, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, bị cáo Nguyễn Đức L và Nguyễn Thị Phương L đã 02 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép 0,33 gam ma túy loại Methamphetamine cho bị cáo Đoàn Duy P; 0,23 gam ma túy loại Methamphetamine cho bị cáo Huỳnh Văn N, Trần Thân T (bị cáo N là người vào nhà mua ma túy, bị cáo T đợi bên ngoài).

Bên cạnh đó, bị cáo Nguyễn Đức L đã 01 lần cung cấp ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy cho Bùi Đại P sử dụng trái phép vào ngày 15.6.2024, 01 lần cung cấp ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy cho Lê Đức L sử dụng trái phép vào ngày

18.6.2024 và tổ chức cho bị cáo Nguyễn Thị Phương L sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 18.6.2024 tại số 29 An Cư 4, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Ngoài ra, bị cáo Đoàn Duy P có hành vi tàng trữ 0,33 gam ma túy loại Methamphetamine; bị cáo Huỳnh Văn N, Trần Thân T có hành vi tàng trữ 0,23 gam ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân thì bị lực lượng Phòng CSĐTTP về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng đã phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu điều tra thu thập có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Đức L đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Thị Phương L đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Đoàn Duy P, Huỳnh Văn N, Trần Thân T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng truy tố là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án thì thấy: Trong thời gian gần đây tình hình tội phạm về ma túy đang có chiều hướng gia tăng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn này và một trong những biện pháp nhằm đấu tranh phòng, chống tệ nạn ma túy là việc xử lý hình sự nghiêm khắc các hành vi phạm tội về ma túy. Các bị cáo là những thanh niên khỏe mạnh, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng không lo làm ăn chân chính mà lại thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy để thu lợi ma túy sử dụng cho bản thân, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân. Các bị cáo nhận thức được tác hại nghiêm trọng của ma túy đối với bản thân và cộng đồng, nhận thức được tình hình tệ nạn xã hội do ma túy gây ra nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hại lớn cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý xâm phạm tới chính sách quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy mà hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội, gây bất ổn trong nhân dân trên địa bàn Tp Đà Nẵng nói chung và địa bàn quận Sơn Trà nói riêng nên phải xử lý nghiêm khắc.

[4] Xét vai trò, nhân thân của từng bị cáo thì thấy:

[4.1] Vai trò chính trong vụ án này thuộc về bị cáo L, bị cáo là người chủ mưu, trực tiếp mua ma túy và bán ma túy cho bị cáo P và bị cáo N, ngoài ra bị cáo có hành vi đã cung cấp ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy cho Bùi Đại P sử dụng trái phép vào ngày 15.6.2024, cung cấp ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy cho Lê

Đức L sử dụng trái phép vào ngày 18.6.2024 và tổ chức cho bị cáo Nguyễn Thị Phương L sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 18.6.2024 tại số 29 An Cư 4, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Bị cáo có nhân thân xấu: Tại Bản án số: 62/2007/HSST ngày 24.8.2007 bị TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Phá hủy công trình phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”. Do đó đối với bị cáo cần phải lên cho một mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Song xét tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4.2] Đối với bị cáo L1 tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo L để thực hiện việc bán trái phép chất ma túy, khi có người liên hệ mua ma túy bị cáo giới thiệu cho bị cáo L để bán ma túy và thực tế bị cáo P và bị cáo N liên hệ bị cáo mua ma túy thì bị cáo đã giới thiệu cho bị cáo L bán ma túy cho bị cáo P và N, bị cáo hưởng lợi từ bị cáo L cho sử dụng ma túy. Bị cáo có 01 tiền án: Tại Bản án số: 113/2020/HSST ngày 09.11.2020 bị TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng được hoãn chấp hành hình phạt tù vì lý do đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi thì lại tiếp tục phạm tội mới nên căn cứ tình tiết tăng nặng tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Do đó đối với bị cáo cần phải lên cho một mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Song xét tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo khi phạm tội đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4.3] Đối với bị cáo P là người liên hệ bị cáo L1 để mua ma túy và bị cáo L1 giới thiệu bị cáo L bán ma túy cho bị cáo để về sử dụng. Bị cáo có tiền sự và nhân thân xấu: Đã 5 lần bị Toà án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị cáo chấp hành xong ngày 14/6/2024 về lại địa phương thì tiếp tục có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để tiếp tục sử dụng cho bản thân. Do đó đối với bị cáo cần phải lên cho một mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Song xét tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, bị cáo là thân nhân đang thờ cúng liệt sĩ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4.4] Đối với bị cáo N và T sau khi thống nhất mua ma túy về sử dụng chung, bị cáo N là người liên hệ bị cáo L1 để mua ma túy và bị cáo L1 giới thiệu bị cáo L bán ma túy cho bị cáo N và T để về sử dụng. Do đó đối với các bị cáo cần phải lên cho một mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Song xét tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, bị cáo N là bộ đội xuất ngũ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo nghề nghiệp không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 03 (ba) phong bì niêm phong ký hiệu A, B, K đựng mẫu hoàn trả của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP. Đà Nẵng; 01 nỏ thủy tinh một đầu uốn cong; 04 (bốn) ống thủy tinh; 01 (một) bật lửa; 01 (một) gói ny lông màu trắng kích thước khoảng (2,5 x 2,5) cm, chưa qua sử dụng; 4 sim số gồm sim: 0934962807, sim: 0704812525, sim: 0896710652, sim: 0905966892. Đây là vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành, không sử dụng được nên HĐXX tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone màu đen, số Imel: 354892096821428, 01 điện thoại di động có chữ SamSung, màu trắng, imel: 353029495514152, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc, số Imei: 359216079636311, 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng số Imei: 353892105843166, 02 (hai) tờ tiền 10.000đồng. Đây là vật chứng của vụ án, các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô Air Blade màu đen, đồ gắn BKS: 43F1-328.63, số khung: RLHJF6305FZ649105, số máy JF63E1185386 thu giữ của bị cáo T: xe này đứng tên ông Ngô Văn B, vào ngày 10/3/2024, ông B bán xe cho ông Nguyễn Hữu A. Sau đó, ông A bán xe cho ông Trần Sư K. Ngày 23/3/2024, bà Lê Thị T thuê xe này của ông K để làm phương tiện đi lại (có hợp đồng cho thuê xe). Đến ngày 18/6/2024, bị cáo Trần Thân T (là em chồng của bà T) mượn xe để đi. Việc bị cáo T sử dụng xe để đi mua ma túy, bà T không biết nên Cơ quan CSĐT Công an quận Sơn Trà không đề cập xử lý là có căn cứ và ông K đề nghị được nhận lại xe mô tô nói trên nên thấy cần thiết trả lại chiếc xe trên cho ông K là chủ sở hữu là phù hợp.

- Trả một căn cước công dân cho bị cáo Đoàn Duy P do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đối với số tiền 3.300.000 đồng thu của bị cáo Đoàn Duy P và 50.000 đồng thu của bị cáo Huỳnh Văn N do không liên quan đến hành vi phạm tội nên tuyên trả cho các bị cáo là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô màu đen, trên xe có chữ WINNERX, không gắn BKS, số khung: RLHKC4434RY003896, số máy: KC46E5018238 thu giữ của bị cáo P thì thấy chiếc xe trên bị cáo có được hình thành từ việc vay vốn của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H, bị cáo đã làm đầy đủ thủ tục thế chấp chiếc xe cho ngân hàng, bị cáo chỉ sử dụng xe này để di chuyển từ nơi ở đến nhà bị cáo L, đây là phương tiện đi lại kiếm sống của bị cáo nên Hội đồng xét xử tuyên trả lại chiếc xe trên cho bị cáo là phù hợp.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Thị Phương L 01 xe mô tô hiệu Vision màu đen đỏ, mang BKS 43C1-828.11, số khung: RLHJF3309CY067556, số máy: JF33E0067659 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả cho bị cáo Trần Thân T 01 điện thoại di động có chữ OPPO, màu đỏ, gắn sim: 0906471107, số Imel: 866376049624072 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Toàn bộ vật chứng này hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/12/2024.

[7] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo L1, N, T: Công an thành phố Đà Nẵng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

- Đối với L2, P: không biết việc mua bán trái phép chất ma túy của L và L1 nên Cơ quan CSĐT Công an quận Sơn Trà không đề cập xử lý là có căn cứ.

- Đối với hành vi mua ma túy cần sa dạng tinh dầu của P về sử dụng cho nhu cầu cá nhân: ma túy cần sa P đã sử dụng hết, không thu giữ được tang vật nên Cơ quan CSĐT Công an quận Sơn Trà không đề cập xử lý là có căn cứ.

- Đối với chị Huỳnh Thị Kim T là chủ thuê bao số điện thoại 0934962807. Số điện thoại này chị T cho em trai là Huỳnh Văn N sử dụng. Việc N dùng số điện thoại này liên hệ mua ma túy, chị T không biết nên Cơ quan CSĐT Công an quận Sơn Trà không đề cập xử lý đối với T là có căn cứ.

- Đối với đối tượng đã bán ma túy cần sa dạng tinh dầu cho P, đối tượng tên “Xi” có số điện thoại 0702397591, 0905444342 mà T liên hệ mua ma túy nhưng không được: Cơ quan CSĐT Công an quận Sơn Trà đã có Công văn số 1457 ngày 15.10.2024 để xác minh chủ thuê bao của hai số điện thoại này nhưng hiện vẫn chưa có kết quả trả lời.

+ Đối với Trần Xuân Q không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Q không sử dụng điện thoại di động, không biết số điện thoại 0906408776, 0905848020 và tài khoản ví Momo có số điện thoại 0905848020 tại sao lại đứng tên Q; không biết ai là Nguyễn Đức L và không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của L. Q bị nhiễm HIV từ năm 2017 dẫn đến rối loạn huyết học và miễn dịch, đa nhiễm trùng, suy mòn, viêm phổi. Kết quả xét nghiệm ma

túy của Q vào ngày 10/10/2024 là âm tính. L không nhận dạng được đối tượng tên Q đã bán ma túy cho mình, mỗi lần bán ma túy cho L, đối tượng tên Q đều đeo khẩu trang, mặc áo mưa, để ma túy một chỗ nào đó rồi chỉ L đến lấy. Hiện chưa có cơ sở để xác định Trần Xuân Q có phải đối tượng tên Q đã bán ma túy cho L hay không. Để đảm bảo không bỏ lọt tội phạm, Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đã có Công văn đề nghị Cơ quan CSĐT Công an quận Sơn Trà ra Quyết định tách vụ án để làm rõ hành vi của Trần Xuân Q, đối tượng tên Q, đối tượng tên Xi và các đối tượng liên quan khác trong vụ án.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về áp dụng điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như phần xử lý vật chứng là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Án phí HSST các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức L phạm các tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đức L 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù.

- Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của BLHS xử phạt Nguyễn Đức L 07 (Bảy) năm tù.

Căn cứ Điều 55 của BLHS tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Đức L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội 14 (Mười bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 18/6/2024.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Phương L phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị Phương L 07 (Bảy) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tại bản án số 113/2020/HSST ngày 09.11.2020 của Toà án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo Nguyễn Thị Phương L phải chấp hành cho cả hai bản án là 11 (Mười một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 18/6/2024.

3. Tuyên bố bị cáo Đoàn Duy P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của BLHS xử phạt Đoàn Duy P 02 (Hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 18/6/2024.

4. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của BLHS xử phạt Huỳnh Văn N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 18/6/2024.

5. Tuyên bố bị cáo Trần Thân T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của BLHS xử phạt Trần Thân T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 18/6/2024.

6/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu, tiêu hủy 03 (ba) phong bì niêm phong ký hiệu A, B, K đựng mẫu hoàn trả của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP. Đà Nẵng; 01 nỏ thủy tinh một đầu uốn cong; 04 (bốn) ống thủy tinh; 01 (một) bật lửa; 01 (một) gói ny lông màu trắng kích thước khoảng (2,5 x2,5) cm, chưa qua sử dụng; 4 sim số gồm sim: 0934962807, sim: 0704812525, sim: 0896710652, sim: 0905966892.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone màu đen, số Imel: 354892096821428 mặt sau máy bị vỡ, 01 điện thoại di động có chữ SamSung, màu trắng, imel: 353029495514152, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc, số Imei: 359216079636311, 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu vàng số Imei: 353892105843166, 02 (hai) tờ tiền 10.000đồng.

- Trả cho bị cáo Đoàn Duy P một căn cước công dân mang tên Đoàn Duy P và 01 xe mô tô màu đen, trên xe có chữ WINNERX, không gắn BKS, số khung: RLHKC4434RY003896, số máy: KC46E5018238.

- Trả cho ông Trần Sư K 01 xe mô tô Air Blade màu đen, đồ gắn BKS: 43F1-328.63, số khung RLHJF6305FZ649105, số máy JF63E1185386.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Thị Phương L 01 xe mô tô hiệu Vision màu đen đỏ, mang BKS 43C1-828.11, số khung: RLHJF3309CY067556, số máy: JF33E0067659.

- Trả cho bị cáo Trần Thân T 01 điện thoại di động có chữ OPPO, màu đỏ, gắn sim: 0906471107, số Imel: 866376049624072.

- Tuyên trả số tiền 3.300.000đồng cho bị cáo Đoàn Duy P và 50.000đồng cho bị cáo Huỳnh Văn N nhưng cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

Toàn bộ vật chứng này hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/12/2024.

7/ Án phí HSST: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí HSST các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Thị Phương L, Đoàn Duy P, Huỳnh Văn N, Trần Thân T mỗi người phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Báo cho những người tham gia tố tụng có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND q. Sơn Trà, Tp Đà Nẵng;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THADS q. Sơn Trà, Tp Đà

Nẵng;

- Công an quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an TP Đà

Nẵng;

- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tô Thị Thy Tuyết

